

Phụ lục
Yêu cầu báo giá phân tích kiểm nghiệm
(Đính kèm Thông báo số /TB-SATTP ngày tháng năm 2026
của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh)

Lấy mẫu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với Sản phẩm dinh dưỡng chế biến từ ngũ cốc cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi; Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi (được chế biến từ sữa bò hoặc sữa động vật khác); Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi; Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích y tế đặc biệt cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sản phẩm dinh dưỡng chế biến từ ngũ cốc cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi				
1.1	Hàm lượng thành phần dinh dưỡng:				
	Protein	15	Mẫu		
	Lipid	15	Mẫu		
	Carbohydrat	15	Mẫu		
	Vitamin A	15	Mẫu		
	Vitamin D	15	Mẫu		
	Vitamin B1	15	Mẫu		
1.2	Chất khoáng:				
	Natri	15	Mẫu		
	Calci	15	Mẫu		
1.3	Độc tố vi nấm				
	Aflatoxin B1	15	Mẫu		
	Ochratoxin A	15	Mẫu		
	Deoxynivalenol	15	Mẫu		
	Zearalenone	15	Mẫu		
1.4	Chỉ tiêu Melamin	15	Mẫu		
1.5	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):				
	Salmonella	150	Mẫu		
	Coliform	75	Mẫu		
2	Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi (được chế biến từ sữa bò hoặc sữa động vật khác)				
2.1	Thành phần dinh dưỡng:				

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Hàm lượng protein	15	Mẫu		
	Hàm lượng lipid	15	Mẫu		
	Hàm lượng carbohydrat	15	Mẫu		
	Vitamin A	15	Mẫu		
	Vitamin D	15	Mẫu		
	Vitamin E (các hợp chất α - tocopherol)	15	Mẫu		
	Vitamin C (acid ascorbic)	15	Mẫu		
	Vitamin B1 (thiamin)	15	Mẫu		
	Vitamin B2 (riboflavin)	15	Mẫu		
	Nicotinamid	15	Mẫu		
	Vitamin B6	15	Mẫu		
	Acid folic	15	Mẫu		
	Acid pantothenic	15	Mẫu		
	Vitamin B12	15	Mẫu		
	Vitamin K1	15	Mẫu		
	Vitamin H (Biotin)	15	Mẫu		
2.2	Chất khoáng:				
	Natri	15	Mẫu		
	Kali	15	Mẫu		
	Clorid	15	Mẫu		
	Calci	15	Mẫu		
	Phospho	15	Mẫu		
	Tỉ lệ calci/phospho	15	Mẫu		
	Magnesi	15	Mẫu		
	Sắt	15	Mẫu		
	Iod	15	Mẫu		
	Kẽm	15	Mẫu		
2.3	Chỉ tiêu Melamin	15	Mẫu		
2.4	Kim loại nặng:				
	Chì (Pb)	15	Mẫu		
2.5	Độc tố vi nấm:				
	<i>Aflatoxin M1</i>	15	Mẫu		
	<i>Ochratoxin A</i>	15	Mẫu		
	<i>Patulin</i>	15	Mẫu		

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<i>Deoxynivalenol</i>	15	Mẫu		
	<i>Zearalenone</i>	15	Mẫu		
	<i>Fumonisin tổng số/Fumonisin</i>	15	Mẫu		
2.6	<i>Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):</i>				
	<i>Salmonella</i>	450	Mẫu		
3	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi				
3.1	Hàm lượng thành phần dinh dưỡng:				
	Hàm lượng protein	15	Mẫu		
	Hàm lượng lipid	15	Mẫu		
	Hàm lượng carbohydrat	15	Mẫu		
	Hàm lượng Vitamin:				
	Vitamin A	15	Mẫu		
	Vitamin D3	15	Mẫu		
	Vitamin E	15	Mẫu		
	Vitamin K	15	Mẫu		
	Vitamin B1 (Thiamin)	15	Mẫu		
	Vitamin B2 (riboflavin)	15	Mẫu		
	Niacin	15	Mẫu		
	Vitamin B6	15	Mẫu		
	Vitamin B12	15	Mẫu		
	Acid pantothenic	15	Mẫu		
	Acid folic	15	Mẫu		
	Vitamin C (acid ascorbic)	15	Mẫu		
	Vitamin H (Biotin)	15	Mẫu		
	Sắt	15	Mẫu		
	Calci	15	Mẫu		
	Phospho	15	Mẫu		
	Tỉ lệ calci/phospho	15	Mẫu		
	Magnesi	15	Mẫu		
	Natri	15	Mẫu		
	Clorid	15	Mẫu		
	Kali	15	Mẫu		
	Mangan	15	Mẫu		
	Iod	15	Mẫu		

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Selen	15	Mẫu		
	Đồng	15	Mẫu		
	Kẽm	15	Mẫu		
	Cholin	15	Mẫu		
	Myo-intositol	15	Mẫu		
	L-carnitin	15	Mẫu		
	Taurin	15	Mẫu		
	Acid docosahexaenoic	15	Mẫu		
	Fluorid	15	Mẫu		
3.2	Melamin	15	Mẫu		
3.3	Kim loại nặng:				
	Arsen (As)	15	Mẫu		
	Cadmi (Cd)	15	Mẫu		
	Chì (Pb)	15	Mẫu		
	Thủy ngân (Hg)	15	Mẫu		
	Thiếc (Sn)	15	Mẫu		
3.4	Chỉ tiêu vi sinh vật				
	<i>Salmonella</i>	450	Mẫu		
	<i>Enterobacter sakazakii</i>	450	Mẫu		
4	Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích y tế đặc biệt cho trẻ đến 12 tháng tuổi				
4.1	Hàm lượng thành phần dinh dưỡng:				
	Hàm lượng protein	15	Mẫu		
	Hàm lượng lipid	15	Mẫu		
	Hàm lượng carbohydrat	15	Mẫu		
	Hàm lượng Vitamin:				
	Vitamin A	15	Mẫu		
	Vitamin D3	15	Mẫu		
	Vitamin E	15	Mẫu		
	Vitamin K	15	Mẫu		
	Vitamin B1 (Thiamin)	15	Mẫu		
	Vitamin B2 (riboflavin)	15	Mẫu		
	Niacin	15	Mẫu		
	Vitamin B6	15	Mẫu		

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Vitamin B12	15	Mẫu		
	Acid pantothenic	15	Mẫu		
	Acid folic	15	Mẫu		
	Vitamin C (acid ascorbic)	15	Mẫu		
	Vitamin H (Biotin)	15	Mẫu		
	Sắt	15	Mẫu		
	Calci	15	Mẫu		
	Phospho	15	Mẫu		
	Tỉ lệ calci/phospho	15	Mẫu		
	Magnesi	15	Mẫu		
	Natri	15	Mẫu		
	Clorid	15	Mẫu		
	Kali	15	Mẫu		
	Mangan	15	Mẫu		
	Iod	15	Mẫu		
	Selen	15	Mẫu		
	Đồng	15	Mẫu		
	Kẽm	15	Mẫu		
	Chrom	15	Mẫu		
	Molybden	15	Mẫu		
	Myo-inositol	15	Mẫu		
	L-carnitin	15	Mẫu		
	Taurin	15	Mẫu		
	Acid docosahexaenoic	15	Mẫu		
	Fluorid	15	Mẫu		
4.2	Melamin	15	Mẫu		
4.3	Kim loại nặng:				
	Arsen (As)	15	Mẫu		
	Cadmi (Cd)	15	Mẫu		
	Chì (Pb)	15	Mẫu		
	Thủy ngân (Hg)	15	Mẫu		
	Thiếc (Sn)	15	Mẫu		
4.4	Độc tố vi nấm				
	Aflatoxin B1	15	Mẫu		

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Aflatoxin M1	15	Mẫu		
	Ochratoxin A	15	Mẫu		
4.5	Chỉ tiêu vi sinh vật				
	<i>Salmonella</i>	450	Mẫu		
	Enterobacter sakazakii	450	Mẫu		